

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2024.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng Ánh và ông Nguyễn Hải Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị X có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh V vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/02/2009 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về sống

và làm việc tại khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 11/2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 03 con chung là Nguyễn Bích L, sinh ngày 25/6/2010; Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/01/2012 và Nguyễn Kim D, sinh ngày 11/4/2014. Cháu D đã chết ngày 20/5/2021 nên chị không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và nhất trí giao cháu H cho anh V được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị X không yêu cầu giải quyết.

2, *P bị đơn anh Nguyễn Văn V*: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh V đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2024 bà Bùi Thị H1 (mẹ đẻ anh V) trình bày*: Anh V và chị X được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 23/02/2009 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung, nên chung sống không hạnh phúc. Chị X đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ năm 2022, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Từ đó chị X cũng không quay về chung sống với anh V nữa. Chị X và anh V có 03 con chung là Nguyễn Bích L, sinh ngày 25/6/2010; Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/01/2012 và Nguyễn Kim D, sinh ngày 11/4/2014. Cháu D đã chết ngày 20/5/2021. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh V, cháu L đang ở cùng chị X. Trường hợp anh chị ly hôn, bà đề nghị Toà án giao cháu H cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu L cho chị X được trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Việc chị X xin ly hôn, anh V biết rõ nhưng anh V bận đi làm nên không đến Toà án làm việc được. Nay chị X xin ly hôn anh V, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4, *Nguyện vọng của cháu Nguyễn Bích L và cháu Nguyễn Thế H*: Cháu L có nguyện vọng xin ở với chị X, cháu H có nguyện vọng xin ở với anh V.

5, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tạ Xá ngày 28/6/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/02/2009 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn

vợ chồng về sống và làm việc tại khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau, nên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau và chung sống không hạnh phúc. Đến năm 2022, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị X đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Chị X không quay về chung sống với anh V nữa. Chị và anh V có 03 con chung là Nguyễn Bích L, sinh ngày 25/6/2010; Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/01/2012 và Nguyễn Kim D, sinh ngày 11/4/2014. Cháu D đã chết ngày 20/5/2021. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh V, cháu L ở cùng chị X. Nay chị X xin ly hôn anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Bích L, sinh ngày 25/6/2010 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/01/2012 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị X, anh V được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản trở.

Đối với cháu Nguyễn Kim D (đã chết) chị X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh V có hộ khẩu thường trú tại khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị X có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh V đã được Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh V vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị X và anh V là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 23/02/2009 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị X cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, đó ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Phía anh V được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh V có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị X và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Mẹ đẻ anh V là bà Bùi Thị H1 xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì chị X tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị X và anh V được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau nên không bao ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị X và anh V đã mâu thuẫn

rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị X được ly hôn anh V là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị X anh V có 03 con chung là Nguyễn Bích L, sinh ngày 25/6/2010; Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/01/2012 và Nguyễn Kim D, sinh ngày 11/4/2014. Cháu D đã chết nên chị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi ly hôn chị X đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và nhất trí giao cháu H cho anh V được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy hiện nay cháu L đang ở cùng chị X, cháu H đang ở cùng anh V. Nguyên vọng của cháu L xin được ở với chị X, nguyên vọng của cháu H xin được ở với anh V. Để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu L cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Bích L, sinh ngày 25/6/2010 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thế H, sinh ngày 12/01/2012 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền

nuôi con chung cho nhau. Chị X, anh V được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Đối với cháu Nguyễn Kim D (đã chết) chị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị X đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004871 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền